

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

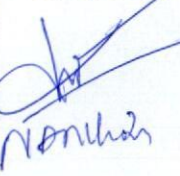
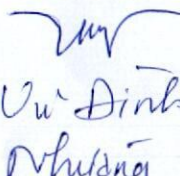
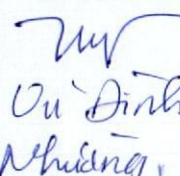
Môn học: **Thực tập lạnh cơ bản (228119) - Nhóm 01**

CBGD: **Nguyễn Đức Nhơn (280018)**

Số SV có mặt:9.....

Số bài thi:9.....

Số tờ giấy thi:9.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Nonhoh	 Vu Đình Như	 Nonhoh	 Vu Đình Như

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121180020	LÊ NGỌC ĐẠT	12/10/2003	CCQ2118LA				8,5	9,0	8,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121180076	LÊ TRỌNG HÙNG	22/02/2003	CCQ2118LA				8,3	7,5	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121180045	NGUYỄN THÀNH LUÂN	13/06/2003	CCQ2118LA				7,3	7,5	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121180025	NGUYỄN LÊ HOÀI NAM	28/08/2003	CCQ2118LA				8,5	9,0	8,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121180066	TRẦN THANH NHÀN	19/08/2003	CCQ2118LA				8,5	8,0	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121180041	NGUYỄN MINH NHẤT	19/10/2003	CCQ2118LA				7,5	9,0	8,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121180074	TRẦN TRỌNG SANG	04/02/2003	CCQ2118LA				8,5	7,5	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121180070	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	01/04/2003	CCQ2118LA							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121180065	ĐÀO VĂN THOẠI	12/11/2002	CCQ2118LA				7,3	8,5	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121180078	VÕ MINH TRỌNG	09/06/2003	CCQ2118LA				7,3	7,5	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

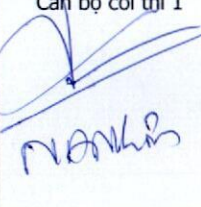
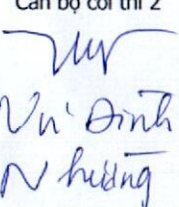
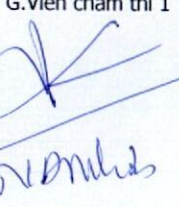
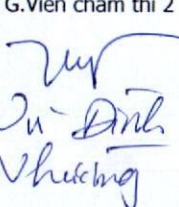
Môn học: **Thực tập lạnh cơ bản (228119) - Nhóm 02**

CBGD: **Nguyễn Đức Nhơn (280018)**

Số SV có mặt: ...25.....

Số bài thi: ...25.....

Số tờ giấy thi: ...25.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Nhanh	 Vu' Đình Nhu'ng	 Nhanh	 Vu' Đình Nhu'ng

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121180021	VÕ CAO BẢO	13/08/2003	CCQ2118A			Bao	8,0	8,0	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121150056	LÊ AN CƯ	26/01/2002	CCQ1918B			An	7,8	8,0	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121180056	CAO NHẤT DANH	28/06/2003	CCQ2118B			Danh	7,8	8,0	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121170222	DƯƠNG QUỐC ĐẠT	06/01/2003	CCQ2118C			Đạt	7,8	8,0	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121180004	TRÌNH VĂN HIỀN	08/05/2003	CCQ2118A			Hiền	7,8	7,5	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2118180022	LƯƠNG PHI HỒNG	29/09/2000	CCQ1818A			Hồng	6,8	6,5	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121180024	LÊ HOÀNG GIA KHANG	31/01/2003	CCQ2118A							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121180009	ĐẶNG TRUNG KIẾN	05/09/2003	CCQ2118A			Kiến	7,8	7,5	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121180026	TẶNG CHÂU BÌNH LINH	29/05/2003	CCQ2118A			Linh	7,5	7,0	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121180008	TRẦN VĂN MẠNH	14/01/2003	CCQ2118A			Mạnh	7,5	6,5	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121180047	LÊ CÔNG NGHĨA	01/04/2003	CCQ2118B			Nghĩa	3,5	6,5	5,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121180039	NGUYỄN CÔNG NGUYỄN	04/03/2003	CCQ2118B			Nguyễn	8,3	7,5	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121180035	TRẦN ĐỨC NHUẬN	28/07/2003	CCQ2118A			Nhuận	7,5	8,0	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121180003	ĐẶNG MINH NHỰT	22/05/2002	CCQ2118A			Nhựt	7,5	9,0	8,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121180016	PHAN HOÀNG PHÚC	30/06/2003	CCQ2118A			Phúc	6,8	7,0	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121180040	LÊ TRUNG TÀI	29/04/2003	CCQ2118B			Tài	7,8	7,0	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121180068	HUỖNH THỊNH	21/09/2003	CCQ2118B			Thịnh	6,8	7,0	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121180034	NGUYỄN QUANG THƯỜNG	07/03/2003	CCQ2118A			Thường	8,3	8,5	8,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121180069	HOÀNG VĂN TIẾN	07/07/2003	CCQ2118B			Tiến	7,0	8,0	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2121180012	NGUYỄN TẤN TRIỆN	20/06/2002	CCQ2118A			Triển	7,5	8,0	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

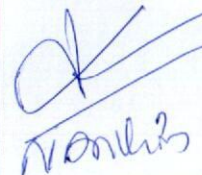
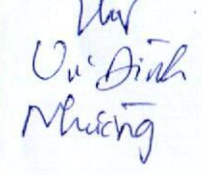
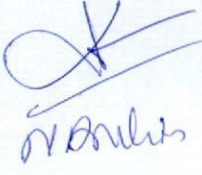
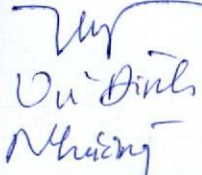
Môn học: **Thực tập lạnh cơ bản (228119) - Nhóm 02**

CBGD: **Nguyễn Đức Nhơn (280018)**

Số SV có mặt:25.....

Số bài thi:25.....

Số tờ giấy thi:25.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2118180045	TRƯƠNG HỮU TRỌNG	30/03/2000	CCQ1818A				8,5	8,0	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2118180046	HÀ NGỌC TRUNG	09/05/2000	CCQ1818A				8,5	8,0	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121180051	NGUYỄN TÀI TRUNG	16/08/1999	CCQ2118B				8,0	7,0	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121180001	ĐỖ ĐAN TRƯỜNG	18/08/2003	CCQ2118A				7,5	7,5	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2121180060	PHAN QUỐC TÚ	19/05/2003	CCQ2118B				8,0	9,0	8,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2121180007	ĐẶNG BẢO TUẤN	26/01/2003	CCQ2118A				7,3	8,5	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2121180015	PHẠM NHẬT TƯỜNG	15/12/2003	CCQ2118A							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9